VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 18/2022/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 02 tháng 8 năm 2022.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Bình Minh

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận: Xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới (viết tắt là NTM), đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (gọi chung là địa phương đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu); thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (gọi chung là địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM) giai đoạn 2021 - 2025.

2. Quy định này áp dụng đối với: Xã; huyện, thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh (gọi chung là cấp huyện); tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) trong phạm vi cả nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (viết tắt là Chương trình MTQG) xây dựng NTM; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Bảo đảm công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan và phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Việc xét, công nhận, công bố địa phương đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM

được thực hiện thường xuyên, liên tục hàng năm, đảm bảo đúng điều kiện, trình tự, thủ tục.

3. Việc xét, thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM thực hiện theo quy tại khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 4 Chương I, Chương V Quy định này.

4. Sử dụng kết quả đánh giá đạt chuẩn tiêu chí NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu:

a) Trong trường hợp tổ chức xét, công nhận địa phương đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM được tổ chức đồng thời với đánh giá đạt chuẩn tiêu chí NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu thì sử dụng kết quả đánh giá đạt chuẩn tiêu chí NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu của năm đánh giá.

b) Trong trường hợp tổ chức xét, công nhận địa phương đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM được tổ chức trước thời điểm đánh giá đạt chuẩn tiêu chí NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu thì sử dụng kết quả đánh giá đạt chuẩn tiêu chí NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu của năm trước liền kề năm đánh giá hoặc sử dụng kết quả của năm đánh giá nhưng phải tuân thủ theo đúng quy định và văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 3. Thẩm quyền công nhận, thu hồi quyết định công nhận

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận, thu hồi quyết định công nhận: Xã đạt chuẩn NTM, xã đạt chuẩn NTM nâng cao, xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

2. Thủ tướng Chính phủ công nhận, thu hồi quyết định công nhận: Huyện đạt chuẩn NTM, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao; thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

Điều 4. Điều kiện công nhận, thu hồi quyết định công nhận

1. Xã được công nhận đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu khi:

a) Đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của: Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2021 - 2025 (đối với xã NTM); Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 (đối với xã NTM nâng cao); Quy định xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025 (đối với xã NTM kiểu mẫu);

b) Không có nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn;

c) Có tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu của xã đáp ứng yêu cầu theo quy định;

d) Xã không phức tạp về an ninh, trật tự theo quy định của Bộ Công an.

2. Huyện được công nhận đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM khi:

a) Đáp ứng đầy đủ các điều kiện và mức đạt chuẩn theo yêu cầu của: Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM giai đoạn 2021 - 2025 (đối với huyện NTM); Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 (đối với huyện NTM nâng cao); quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025 (đối với thị xã, thành phố);

b) Không có nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn;

c) Có tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng NTM của cấp huyện đáp ứng yêu cầu theo quy định.

3. Cấp tỉnh được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM khi:

a) Đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo yêu cầu của Quy định cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025;

b) Không có nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn;

c) Có tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng NTM của cấp tỉnh đáp ứng yêu cầu theo quy định.

4. Xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu bị thu hồi quyết định công nhận khi có từ 30% đến dưới 50% số

tiêu chí xã (trong đó có một trong các tiêu chí: Thu nhập; Môi trường và an toàn thực phẩm; Môi trường; Chất lượng môi trường sống; Quốc phòng và An ninh) hoặc có từ 50% số tiêu chí xã trở lên không đáp ứng mức đạt chuẩn theo yêu cầu của: Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2021 - 2025 (đối với xã NTM); Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 (đối với xã NTM nâng cao và xã NTM kiểu mẫu).

5. Huyện đã được công nhận đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao bị thu hồi quyết định công nhận khi:

a) Có từ 30% số xã trở lên bị thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn NTM;

b) Có từ 30% đến dưới 50% số tiêu chí huyện (trong đó có một trong các tiêu chí: Kinh tế; Môi trường; Chất lượng môi trường sống; Hệ thống chính trị - An ninh, trật tự - Hành chính công; An ninh, trật tự - Hành chính công) hoặc có từ 50% số tiêu chí huyện trở lên không đáp ứng mức đạt chuẩn theo yêu cầu của: Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM giai đoạn 2021 - 2025 (đối với huyện NTM); Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 (đối với huyện NTM nâng cao).

6. Thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh đã được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM bị thu hồi quyết định công nhận khi có từ 30% số xã trở lên bị thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn NTM.

7. Cấp tỉnh đã được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM bị thu hồi quyết định công nhận khi có từ 30% số xã và 30% số đơn vị cấp huyện trở lên bị thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn NTM hoặc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

Chương II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ XÃ ĐẠT CHUẨN NTM, XÃ ĐẠT CHUẨN NTM NÂNG CAO, XÃ ĐẠT CHUẨN NTM KIỂU MẪU

Mục 1
TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ, LẤY Ý KIẾN, HOÀN THIỆN HỒ SƠ

Điều 5. Tổ chức đánh giá, lấy ý kiến

1. Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã tổ chức xây dựng báo cáo kết quả thực hiện xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu của xã; gửi báo cáo để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã; báo cáo được thông báo, công bố công khai tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa các thôn, bản, ấp và trên hệ thống truyền thanh của xã ít nhất 05 lần trong thời hạn 15 ngày để thông báo rộng rãi và tiếp nhận ý kiến góp ý của Nhân dân.

2. UBND xã bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu của xã khi nhận được ý kiến tham gia bằng văn bản của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã.

Điều 6. Hoàn thiện hồ sơ

1. UBND xã tổ chức họp (gồm các thành viên Ban quản lý xã, các Ban phát triển thôn) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu; hoàn thiện hồ sơ khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND cấp huyện.

2. Hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM, xã đạt chuẩn NTM nâng cao, xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, UBND xã nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện để thẩm tra (01 bộ hồ sơ) và chịu trách nhiệm về toàn bộ thông tin, nội dung, số liệu trong hồ sơ, gồm:

a) Tờ trình của UBND xã đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu (bản chính, theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

b) Biên bản cuộc họp của UBND xã đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu (bản chính, theo Mẫu số 16 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

c) Báo cáo của UBND xã về kết quả thực hiện xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu của xã (bản chính, theo Mẫu số 06, Mẫu số 07, Mẫu số 08 kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

d) Báo cáo của UBND xã về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã đối với kết quả thực hiện xây dựng NTM,

NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu của xã (bản chính, theo Mẫu số 13 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

đ) Báo cáo của UBND xã về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn xã (bản chính);

e) Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu của xã.

3. Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: UBND cấp huyện.

Mục 2
TỔ CHỨC THẨM TRA, LẤY Ý KIẾN, HOÀN THIỆN HỒ SƠ

Điều 7. Tổ chức thẩm tra, lấy ý kiến

1. Trường hợp xã chưa đủ điều kiện, hồ sơ chưa hợp lệ để đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho UBND xã và nêu rõ lý do.

2. UBND cấp huyện tổ chức thẩm tra hồ sơ, đánh giá thực tế kết quả thực hiện xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã đủ điều kiện để đề nghị xét, công nhận; xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã; gửi báo cáo để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; thông báo rộng rãi dự thảo báo cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng của huyện; bổ sung hoàn thiện báo cáo đối với từng xã khi nhận được ý kiến tham gia bằng văn bản của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện.

3. Mặt trận Tổ quốc cấp huyện chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức chính trị - xã hội của xã tiến hành lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu.

Điều 8. Hoàn thiện hồ sơ

1. UBND cấp huyện tổ chức họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG cấp huyện - viết tắt là Ban Chỉ đạo cấp huyện) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã; hoàn thiện hồ sơ khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND cấp tỉnh.

2. Hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM, xã đạt chuẩn NTM nâng cao, xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, UBND cấp huyện nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện để thẩm định (01 bộ hồ sơ) và chịu trách nhiệm về toàn bộ thông tin, nội dung, số liệu trong hồ sơ, gồm:

a) Tờ trình của UBND cấp huyện đề nghị thẩm định, xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

b) Biên bản cuộc họp của UBND cấp huyện đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 17 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

c) Báo cáo của UBND cấp huyện về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 21, Mẫu số 22, Mẫu số 23 kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt chuẩn từng tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

d) Báo cáo của UBND cấp huyện về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 27 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

đ) Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc cấp huyện về kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã (bản chính).

Kèm theo hồ sơ của UBND xã được quy định tại khoản 2 Điều 6 Chương II Quy định này.

3. Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh.

Mục 3
TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH, XÉT, CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ

Điều 9. Tổ chức thẩm định, công nhận

1. Trường hợp xã chưa đủ điều kiện, hồ sơ chưa hợp lệ để đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, UBND cấp tỉnh trả lời bằng văn bản cho UBND cấp huyện và nêu rõ lý do.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh xây dựng báo cáo và báo cáo UBND cấp tỉnh về kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã đủ điều kiện để đề nghị xét, công nhận (trên cơ sở báo cáo bằng văn bản của các sở, ngành cấp tỉnh đánh giá, xác nhận mức độ đạt chuẩn đối với các nội dung, tiêu chí được giao phụ trách).

3. Chủ tịch UBND cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định xét, đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu (gọi chung là Hội đồng thẩm định cấp tỉnh), gồm đại diện lãnh đạo các sở, ngành cấp tỉnh có liên quan. Chủ tịch Hội đồng thẩm định cấp tỉnh là một lãnh đạo UBND cấp tỉnh phụ trách Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn.

4. Hội đồng thẩm định cấp tỉnh tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét, đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã (cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 70% trở lên số thành viên Hội đồng thẩm định cấp tỉnh dự họp). Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Hội đồng thẩm định cấp tỉnh dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

5. Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu trên địa bàn.

6. Mẫu bằng công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu (theo Mẫu số 34.1 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này).

Điều 10. Công bố

1. Quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu được công khai trên báo, đài phát thanh, truyền hình và trang thông tin điện tử của cấp tỉnh.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện công bố xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu; thời hạn tổ chức công bố không quá 45 ngày kể từ ngày quyết định công nhận (trừ trường hợp địa phương thực hiện phong tỏa, giãn cách xã hội do phòng chống dịch bệnh, hoặc địa phương thực hiện khắc phục thiệt hại do thiên tai). Việc tổ chức công bố xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu do UBND cấp huyện chủ trì thực hiện đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, không phô trương.

Chương III
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ HUYỆN ĐẠT CHUẨN NTM, HUYỆN ĐẠT CHUẨN NTM NÂNG CAO, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC CẤP TỈNH HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NTM

Mục 1
TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ, LẤY Ý KIẾN, HOÀN THIỆN HỒ SƠ

Điều 11. Tổ chức đánh giá, lấy ý kiến

1. UBND cấp huyện tổ chức xây dựng báo cáo kết quả thực hiện xây dựng NTM, NTM nâng cao (của huyện), xây dựng NTM (của thị xã, thành phố); gửi báo cáo để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, UBND các xã trên địa bàn; báo cáo được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên trang thông tin điện tử của cấp huyện trong thời hạn 15 ngày để thông báo rộng rãi và tiếp nhận ý kiến góp ý của Nhân dân.

2. UBND cấp huyện bổ sung, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện xây dựng NTM, NTM nâng cao khi nhận được ý kiến tham gia bằng văn bản của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và UBND các xã trên địa bàn cấp huyện.

Điều 12. Hoàn thiện hồ sơ

1. UBND cấp huyện tổ chức họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo cấp huyện và đại diện lãnh đạo UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn NTM, huyện đạt chuẩn NTM nâng

cao, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; hoàn thiện hồ sơ khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND cấp tỉnh.

2. Hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn NTM, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, UBND cấp huyện nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện để thẩm tra (01 bộ hồ sơ) và chịu trách nhiệm về toàn bộ thông tin, nội dung, số liệu trong hồ sơ, gồm:

a) Tờ trình của UBND cấp huyện đề nghị thẩm tra, xét, công nhận huyện đạt chuẩn NTM, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (bản chính, theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

b) Tổng hợp danh sách: Các xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao; các phường, thị trấn đã được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh trên địa bàn cấp huyện (bản chính, theo Mẫu số 29, Mẫu số 30, Mẫu số 31, Mẫu số 32 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

c) Biên bản cuộc họp của UBND cấp huyện đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn NTM, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (bản chính, theo Mẫu số 18 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

d) Báo cáo của UBND cấp huyện về kết quả thực hiện xây dựng NTM, NTM nâng cao (bản chính, theo: Mẫu số 09, Mẫu số 10 kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí huyện NTM, huyện NTM nâng cao (đối với huyện); Mẫu số 11 (đối với thị xã, thành phố) tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

đ) Báo cáo của UBND cấp huyện về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của cấp huyện, UBND các xã trên địa bàn cấp huyện đối với kết quả thực hiện xây dựng NTM, NTM nâng cao của cấp huyện (bản chính, theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

e) Báo cáo của UBND cấp huyện về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn cấp huyện (bản chính);

g) Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện: Xây dựng NTM, NTM nâng cao của huyện; xây dựng NTM của thị xã, thành phố.

3. Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh.

Mục 2
TỔ CHỨC THẨM TRA, LẤY Ý KIẾN, HOÀN THIỆN HỒ SƠ

Điều 13. Tổ chức thẩm tra, lấy ý kiến

1. Trường hợp huyện, thị xã, thành phố chưa đủ điều kiện, hồ sơ chưa hợp lệ để đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn NTM, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, UBND cấp tỉnh trả lời bằng văn bản cho UBND cấp huyện và nêu rõ lý do.

2. UBND cấp tỉnh tổ chức thẩm tra hồ sơ, đánh giá thực tế kết quả thực hiện xây dựng NTM, NTM nâng cao đối với từng đơn vị cấp huyện đủ điều kiện để đề nghị xét, công nhận. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh (trên cơ sở báo cáo bằng văn bản của các sở, ngành cấp tỉnh đánh giá, xác nhận mức độ đạt chuẩn đối với các nội dung, tiêu chí được giao phụ trách) xây dựng báo cáo và báo cáo UBND cấp tỉnh về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ: Đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao (đối với từng huyện); hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (đối với từng thị xã, thành phố).

3. UBND cấp tỉnh công bố huyện đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, thị xã, thành phố đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM trên các phương tiện thông tin đại chúng và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cấp tỉnh trong thời hạn 15 ngày để thông báo rộng rãi và tiếp nhận ý kiến góp ý của Nhân dân.

4. UBND cấp tỉnh gửi báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao (đối với từng huyện), hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (đối với từng thị xã, thành phố) để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; bổ sung hoàn thiện báo cáo khi nhận được ý kiến tham gia bằng văn bản của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

5. Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện tiến hành lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn cấp huyện đối với việc đề nghị công nhận: Huyện đạt chuẩn

NTM, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

Điều 14. Hoàn thiện hồ sơ

1. UBND cấp tỉnh tổ chức họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG cấp tỉnh - viết tắt là Ban Chỉ đạo cấp tỉnh) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao (đối với từng huyện), hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (đối với từng thị xã, thành phố); hoàn thiện hồ sơ khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu dự họp phải đạt từ 90% trở lên, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn NTM, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, UBND cấp tỉnh nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện để thẩm định (01 bộ hồ sơ) và chịu trách nhiệm về toàn bộ thông tin, nội dung, số liệu trong hồ sơ, gồm:

a) Tờ trình của UBND cấp tỉnh đề nghị thẩm định, xét, công nhận đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao đối với từng huyện, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM đối với từng thị xã, thành phố (bản chính, theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

b) Biên bản cuộc họp của UBND cấp tỉnh đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao đối với từng huyện, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM đối với từng thị xã, thành phố (bản chính, theo Mẫu số 19 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

c) Báo cáo của UBND cấp tỉnh về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao đối với từng huyện, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM đối với từng thị xã, thành phố (bản chính, theo: Mẫu số 24, Mẫu số 25 kèm theo biểu chi tiết thẩm tra kết quả thực hiện các tiêu chí huyện NTM, huyện NTM nâng cao (đối với huyện); Mẫu số 26 (đối với thị xã, thành phố) tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

d) Báo cáo của UBND cấp tỉnh về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao đối với từng huyện, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM đối với từng thị xã, thành phố (bản chính, theo Mẫu số 28 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

đ) Báo cáo của các sở, ngành cấp tỉnh (được giao phụ trách các nội dung, tiêu chí xây dựng NTM, NTM nâng cao đối với huyện, xây dựng NTM đối với thị xã, thành phố) đánh giá, xác nhận mức độ đạt chuẩn các nội dung, tiêu chí được giao phụ trách đối với từng huyện, thị xã, thành phố (bản chính);

e) Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh về kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn cấp huyện đối với việc đề nghị công nhận: Đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao đối với từng huyện; hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM đối với từng thị xã, thành phố (bản chính);

g) Báo cáo của UBND cấp tỉnh về giải trình, tiếp thu ý kiến kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh sau khi tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đối với việc đề nghị công nhận: Đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao đối với từng huyện; hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM đối với từng thị xã, thành phố (bản chính).

Kèm theo hồ sơ của UBND cấp huyện được quy định tại khoản 2 Điều 12 Chương III Quy định này.

3. Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối NTM Trung ương.

Mục 3
TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH, XÉT, CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ

Điều 15. Tổ chức thẩm định, công nhận

1. Trường hợp huyện, thị xã, thành phố chưa đủ điều kiện, hồ sơ chưa hợp lệ để đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn NTM, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản cho UBND cấp tỉnh và nêu rõ lý do.

2. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng thẩm định Trung ương xét, đề nghị công nhận huyện đạt chuẩn NTM, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (viết tắt là Hội đồng thẩm định Trung ương), gồm đại diện lãnh đạo một số bộ, ngành trung

ương có liên quan, chuyên gia về một số lĩnh vực liên quan. Chủ tịch Hội đồng thẩm định Trung ương là Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Ủy viên Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình MTQG.

Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng thẩm định Trung ương thành lập Đoàn công tác liên ngành đi khảo sát, kiểm tra thực tế tại địa phương, đảm bảo thực chất, tinh gọn, hiệu quả.

3. Chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không bao gồm thời gian đi khảo sát, kiểm tra thực tế), Văn phòng Điều phối NTM Trung ương rà soát hồ sơ của từng huyện, thị xã, thành phố đủ điều kiện để đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn NTM, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo của Văn phòng Điều phối NTM Trung ương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản trả lời UBND cấp tỉnh và nêu rõ lý do.

b) Trường hợp hồ sơ đảm bảo theo quy định, chậm nhất 20 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo của Văn phòng Điều phối NTM Trung ương, Hội đồng thẩm định Trung ương tổ chức họp, đánh giá, bỏ phiếu xét, đề nghị công nhận huyện đạt chuẩn NTM, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 70% trở lên số thành viên Hội đồng thẩm định Trung ương dự họp).

4. Trường hợp Hội đồng thẩm định Trung ương thông qua và đề nghị công nhận (khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Hội đồng dự họp đạt từ 90% trở lên), UBND cấp tỉnh nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Văn phòng Điều phối NTM Trung ương). Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo tiếp thu, giải trình của UBND cấp tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận huyện đạt chuẩn NTM, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

Trường hợp Hội đồng thẩm định Trung ương đề nghị chưa công nhận, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản trả lời UBND cấp tỉnh và nêu rõ lý do.

5. Văn phòng Chính phủ thẩm tra, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Quyết định công nhận huyện đạt chuẩn NTM, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM theo Quy chế làm việc của Chính phủ.

6. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận huyện đạt chuẩn NTM, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

Mẫu bằng công nhận: Huyện đạt chuẩn NTM, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (theo Mẫu số 34.2, Mẫu số 34.3 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này).

Điều 16. Công bố

1. Quyết định công nhận huyện đạt chuẩn NTM, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM được công khai trên báo, đài phát thanh, truyền hình trung ương và Cổng thông tin điện tử Chính phủ.

2. Chủ tịch UBND cấp tỉnh công bố huyện đạt chuẩn NTM, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; thời hạn tổ chức công bố không quá 45 ngày kể từ ngày quyết định công nhận (trừ trường hợp địa phương thực hiện phong tỏa, giãn cách xã hội do phòng chống dịch bệnh, hoặc địa phương thực hiện khắc phục thiệt hại do thiên tai). Việc tổ chức công bố huyện đạt chuẩn NTM, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM do UBND cấp tỉnh chủ trì thực hiện đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, không phô trương.

Chương IV
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ CẤP TỈNH HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NTM

Mục 1
TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ, LẤY Ý KIẾN, HOÀN THIỆN HỒ SƠ

Điều 17. Tổ chức đánh giá, lấy ý kiến

1. UBND cấp tỉnh tổ chức xây dựng báo cáo kết quả thực hiện xây dựng NTM của cấp tỉnh (trên cơ sở báo cáo của các sở, ngành cấp tỉnh đánh giá, xác nhận mức độ đạt chuẩn các nội dung, tiêu chí cấp huyện được giao phụ trách); gửi báo cáo để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, UBND cấp huyện trên địa bàn; báo cáo được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên trang thông tin điện tử của cấp tỉnh trong thời hạn 15 ngày để thông báo rộng rãi và tiếp nhận ý kiến góp ý của Nhân dân.

2. UBND cấp tỉnh bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện xây dựng NTM của cấp tỉnh khi nhận được ý kiến tham gia bằng văn bản của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và UBND cấp huyện trên địa bàn cấp tỉnh.

3. Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh tiến hành lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn đối với việc đề nghị công nhận cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

Điều 18. Hoàn thiện hồ sơ

1. UBND cấp tỉnh tổ chức họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo cấp tỉnh và đại diện lãnh đạo UBND cấp huyện trên địa bàn) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; hoàn thiện hồ sơ khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu dự họp phải đạt từ 90% trở lên, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Hồ sơ đề nghị xét, công nhận cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, UBND cấp tỉnh nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện để thẩm định (01 bộ hồ sơ) và chịu trách nhiệm về toàn bộ thông tin, nội dung, số liệu trong hồ sơ, gồm:

a) Tờ trình của UBND cấp tỉnh đề nghị thẩm định, xét, công nhận cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (bản chính, theo Mẫu số 05 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

b) Tổng hợp danh sách: Các huyện đã được công nhận đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao; các thị xã, thành phố đã được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; các xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao trên địa bàn cấp tỉnh (bản chính, theo Mẫu số 30, Mẫu số 33 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

c) Biên bản cuộc họp của UBND cấp tỉnh đề nghị xét, công nhận cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (bản chính, theo Mẫu số 20 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

d) Báo cáo của UBND cấp tỉnh về kết quả thực hiện xây dựng NTM của cấp tỉnh (bản chính, theo Mẫu số 12 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

đ) Báo cáo của UBND cấp tỉnh về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, UBND cấp huyện trên địa bàn cấp tỉnh đối với kết quả thực hiện xây dựng NTM của cấp tỉnh (bản chính, theo Mẫu số 15 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

e) Báo cáo của các sở, ngành cấp tỉnh (được giao phụ trách các nội dung, tiêu chí: Xây dựng NTM, NTM nâng cao đối với huyện; xây dựng NTM đối với thị xã, thành phố) đánh giá, xác nhận mức độ đạt chuẩn các nội dung, tiêu chí được giao phụ trách (bản chính);

g) Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh về kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn đối với việc đề nghị công nhận cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (bản chính);

h) Báo cáo của UBND cấp tỉnh về giải trình tiếp thu ý kiến kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh sau khi tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đối với việc đề nghị công nhận cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (bản chính);

i) Báo cáo của UBND cấp tỉnh về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn (bản chính);

k) Đề án xây dựng nông thôn mới toàn tỉnh, thành phố giai đoạn 2021 - 2025 được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua;

l) Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng NTM của cấp tỉnh.

3. Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối NTM Trung ương.

Mục 2
TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH, XÉT, CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ

Điều 19. Tổ chức thẩm định, công nhận

1. Trường hợp cấp tỉnh chưa đủ điều kiện, hồ sơ chưa hợp lệ để đề nghị xét, công nhận cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, chậm nhất 10 ngày làm

việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản cho UBND cấp tỉnh và nêu rõ lý do.

2. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng thẩm định Trung ương xét, đề nghị công nhận cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (viết tắt là Hội đồng thẩm định Trung ương), gồm đại diện lãnh đạo một số bộ, ngành trung ương có liên quan, chuyên gia về một số lĩnh vực liên quan. Chủ tịch Hội đồng thẩm định Trung ương là Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Ủy viên Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình MTQG.

Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng thẩm định Trung ương thành lập Đoàn công tác liên ngành đi khảo sát, kiểm tra thực tế tại địa phương, đảm bảo thực chất, tinh gọn, hiệu quả.

3. Chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không bao gồm thời gian đi khảo sát, kiểm tra thực tế), Văn phòng Điều phối NTM Trung ương rà soát hồ sơ của từng đơn vị cấp tỉnh đủ điều kiện để đề nghị xét, công nhận cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo của Văn phòng Điều phối NTM Trung ương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản trả lời UBND cấp tỉnh và nêu rõ lý do.

b) Trường hợp hồ sơ đảm bảo theo quy định, chậm nhất 20 ngày kể từ ngày có báo cáo của Văn phòng Điều phối NTM Trung ương, Hội đồng thẩm định Trung ương tổ chức họp, đánh giá, bỏ phiếu xét, đề nghị công nhận tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 70% trở lên số thành viên Hội đồng thẩm định Trung ương dự họp).

4. Trường hợp Hội đồng thẩm định Trung ương thông qua và đề nghị công nhận (khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Hội đồng dự họp đạt từ 90% trở lên), UBND cấp tỉnh nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Văn phòng Điều phối NTM Trung ương). Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo tiếp thu, giải trình của UBND cấp tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

Trường hợp Hội đồng thẩm định Trung ương đề nghị chưa công nhận, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản trả lời UBND cấp tỉnh và nêu rõ lý do.

5. Văn phòng Chính phủ thẩm tra, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Quyết định công nhận cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM theo Quy chế làm việc của Chính phủ.

6. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

Mẫu bằng công nhận cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (theo Mẫu số 34.4 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này).

Điều 20. Công bố

1. Thủ tướng Chính phủ công bố cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; công khai trên báo, đài phát thanh, truyền hình trung ương và Cổng Thông tin điện tử Chính phủ.

2. Thời hạn tổ chức công bố cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM không quá 45 ngày kể từ ngày quyết định công nhận (trừ trường hợp địa phương thực hiện phong tỏa, giãn cách xã hội do phòng chống dịch bệnh, hoặc địa phương thực hiện khắc phục thiệt hại do thiên tai). Việc tổ chức công bố cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM do UBND cấp tỉnh chủ trì thực hiện đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, không phô trương.

Chương V
XÉT, THU HỒI QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN ĐỊA PHƯƠNG ĐẠT CHUẨN NTM, ĐẠT CHUẨN NTM NÂNG CAO, ĐẠT CHUẨN NTM KIỂU MẪU, HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NTM

Mục 1
THỜI ĐIỂM THỰC HIỆN

Điều 21. Xét, thu hồi quyết định công nhận

1. Các địa phương đã được công nhận đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM trước giai

đoạn 2021 - 2025 để xảy ra các trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 4 Chương I Quy định này: Việc xét, thu hồi quyết định công nhận được thực hiện từ sau khi đủ 24 tháng kể từ thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành.

2. Các địa phương đã được công nhận đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025 để xảy ra các trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 4 Chương I Quy định này: Việc xét, thu hồi quyết định công nhận được thực hiện từ sau khi đủ 30 tháng kể từ thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành.

Điều 22. Không thực hiện xét, thu hồi quyết định công nhận

Không thực hiện xét, thu hồi quyết định công nhận đối với các địa phương quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 21 Chương V Quy định này khi trong năm hoặc năm trước liền kề năm xét, thu hồi quyết định công nhận, ở địa phương bị thiệt hại nặng nề do thiên tai hoặc do dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi, hoặc ở địa phương thực hiện phong tỏa, giãn cách xã hội do phòng chống dịch bệnh. Thời điểm xét, thu hồi quyết định công nhận được tiếp tục thực hiện sau khi địa phương xác nhận đã khắc phục xong hậu quả thiên tai, dịch bệnh.

Mục 2
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT, THU HỒI QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN XÃ ĐẠT CHUẨN NTM, NTM NÂNG CAO, NTM KIỂU MẪU

Tiểu mục 1
TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ, LẤY Ý KIẾN, HOÀN THIỆN HỒ SƠ

Điều 23. Tổ chức đánh giá, lấy ý kiến

1. UBND cấp huyện tổ chức xây dựng báo cáo kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã; gửi báo cáo để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, UBND xã trên địa bàn cấp huyện bị đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận; báo cáo được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên trang

thông tin điện tử của cấp huyện trong thời hạn 15 ngày để thông báo rộng rãi đến Nhân dân.

2. UBND cấp huyện bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã khi nhận được ý kiến tham gia bằng văn bản của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và UBND xã trên địa bàn cấp huyện bị đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận.

Điều 24. Hoàn thiện hồ sơ

1. Hồ sơ đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận đối với từng xã không đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, UBND cấp huyện nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện để thẩm định (01 bộ hồ sơ) và chịu trách nhiệm về toàn bộ thông tin, nội dung, số liệu trong hồ sơ, gồm:

a) Báo cáo của UBND cấp huyện về kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03 kèm theo biểu chi tiết đánh giá mức độ không đạt chuẩn từng tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu tại Phụ lục II kèm theo Quy định này);

b) Báo cáo của UBND cấp huyện về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, UBND xã bị đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận (bản chính, theo Mẫu số 08 tại Phụ lục II kèm theo Quy định này).

2. Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh.

Tiểu mục 2
TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH, XÉT, THU HỒI QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN

Điều 25. Tổ chức thẩm định, thu hồi quyết định công nhận

1. Trường hợp xã chưa đủ điều kiện, hồ sơ chưa hợp lệ để đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu thì UBND cấp tỉnh trả lời bằng văn bản cho UBND cấp huyện và nêu rõ lý do, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh xây dựng báo cáo và báo cáo UBND cấp tỉnh về kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ không đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã đủ điều kiện để đề nghị thu hồi quyết định công nhận (trên cơ sở báo cáo bằng văn bản của các sở, ngành cấp tỉnh đánh giá, xác nhận mức độ không đạt chuẩn đối với các nội dung, tiêu chí được giao phụ trách).

3. Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu trên địa bàn theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh; công khai trên báo, đài phát thanh, truyền hình và trang thông tin điện tử của cấp tỉnh.

Mục 3
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT, THU HỒI QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN HUYỆN ĐẠT CHUẨN NTM, NTM NÂNG CAO, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC CẤP TỈNH HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NTM

Tiểu mục 1
TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ, LẤY Ý KIẾN, HOÀN THIỆN HỒ SƠ

Điều 26. Tổ chức đánh giá, lấy ý kiến

1. UBND cấp tỉnh tổ chức xây dựng báo cáo kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao (đối với từng huyện), không hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (đối với từng thị xã, thành phố); gửi báo cáo để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, UBND cấp huyện trên địa bàn cấp tỉnh bị đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận; báo cáo được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên trang thông tin điện tử của cấp tỉnh trong thời hạn 15 ngày để thông báo rộng rãi đến Nhân dân.

2. UBND cấp tỉnh bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao (đối với từng huyện), không hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (đối với từng thị xã, thành phố) khi nhận được ý kiến

tham gia bằng văn bản của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và UBND cấp huyện trên địa bàn cấp tỉnh bị đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận.

Điều 27. Hoàn thiện hồ sơ

1. Hồ sơ đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận huyện đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao (đối với từng huyện), thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (đối với từng thị xã, thành phố), UBND cấp tỉnh nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện để thẩm định (01 bộ hồ sơ) và chịu trách nhiệm về toàn bộ thông tin, nội dung, số liệu trong hồ sơ, gồm:

a) Tổng hợp danh sách các xã bị thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn NTM trên địa bàn cấp huyện (bản chính, theo Mẫu số 11 tại Phụ lục II kèm theo Quy định này);

b) Báo cáo của UBND cấp tỉnh về kết quả đánh giá mức độ: Không đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao đối với từng huyện; không hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM đối với từng thị xã, thành phố (bản chính, theo: Mẫu số 04, Mẫu số 05 kèm theo biểu chi tiết đánh giá mức độ không đạt chuẩn các tiêu chí huyện NTM, NTM nâng cao (đối với huyện); Mẫu số 06 (đối với thị xã, thành phố) tại Phụ lục II kèm theo Quy định này);

c) Báo cáo của UBND cấp tỉnh về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, UBND cấp huyện bị đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận (bản chính, theo Mẫu số 09 tại Phụ lục II kèm theo Quy định này).

2. Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối NTM Trung ương.

Tiểu mục 2
TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH, XÉT, THU HỒI QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN

Điều 28. Tổ chức thẩm định, thu hồi quyết định công nhận

1. Trường hợp huyện, thị xã, thành phố chưa đủ điều kiện, hồ sơ chưa hợp lệ để đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận huyện đạt chuẩn NTM, huyện đạt

chuẩn NTM nâng cao, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM thì Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản cho UBND cấp tỉnh và nêu rõ lý do, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

2. Văn phòng Điều phối NTM Trung ương xây dựng báo cáo và báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ về kết quả thẩm định hồ sơ đối với từng huyện, thị xã, thành phố đủ điều kiện để đề nghị thu hồi quyết định công nhận huyện đạt chuẩn NTM, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Văn phòng Chính phủ chịu trách nhiệm thẩm tra về trình tự, thủ tục, hồ sơ, tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định thu hồi quyết định công nhận huyện đạt chuẩn NTM, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và thực hiện theo quy chế làm việc của Chính phủ.

4. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thu hồi quyết định công nhận huyện đạt chuẩn NTM, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; công khai trên báo, đài phát thanh, truyền hình trung ương và Cổng thông tin điện tử Chính phủ.

Mục 4
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT, THU HỒI QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN CẤP TỈNH HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NTM

Tiểu mục 1
TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ, LẤY Ý KIẾN, HOÀN THIỆN HỒ SƠ

Điều 29. Tổ chức đánh giá, lấy ý kiến

1. UBND cấp tỉnh tổ chức xây dựng báo cáo đánh giá mức độ không hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM của cấp tỉnh; gửi báo cáo để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, UBND cấp huyện trên địa bàn cấp tỉnh; báo cáo được công bố trên các phương tiện thông tin đại

chúng và trên trang thông tin điện tử của cấp tỉnh trong thời hạn 15 ngày để thông báo rộng rãi đến Nhân dân.

2. UBND cấp tỉnh bổ sung hoàn thiện báo cáo đánh giá mức độ không hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM của cấp tỉnh khi nhận được ý kiến tham gia bằng văn bản của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và UBND cấp huyện trên địa bàn cấp tỉnh.

Điều 30. Hoàn thiện hồ sơ

1. Hồ sơ đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận cấp tỉnh không hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, UBND cấp tỉnh nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện để thẩm định (01 bộ hồ sơ) và chịu trách nhiệm về toàn bộ thông tin, nội dung, số liệu trong hồ sơ, gồm:

a) Tổng hợp danh sách: Các huyện bị thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn NTM; các thị xã, thành phố bị thu hồi quyết định công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; các xã bị thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn NTM trên địa bàn cấp tỉnh (bản chính, theo Mẫu số 11, Mẫu số 12 tại Phụ lục II kèm theo Quy định này);

b) Báo cáo của UBND cấp tỉnh về đánh giá mức độ không hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM của cấp tỉnh (bản chính, theo Mẫu số 07 tại Phụ lục II kèm theo Quy định này);

c) Báo cáo của UBND cấp tỉnh về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, UBND cấp huyện đối với kết quả đánh giá mức độ không hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM của cấp tỉnh (bản chính, theo Mẫu số 10 tại Phụ lục II kèm theo Quy định này).

2. Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối NTM Trung ương.

Tiểu mục 2
TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH, XÉT, THU HỒI QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN

Điều 31. Tổ chức thẩm định, thu hồi quyết định công nhận

1. Trường hợp đơn vị cấp tỉnh chưa đủ điều kiện, hồ sơ chưa hợp lệ để đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM thì

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản cho UBND cấp tỉnh và nêu rõ lý do, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

2. Văn phòng Điều phối NTM Trung ương xây dựng báo cáo và báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ về kết quả thẩm định hồ sơ đối với từng đơn vị cấp tỉnh đủ điều kiện để đề nghị thu hồi quyết định công nhận cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Văn phòng Chính phủ chịu trách nhiệm thẩm tra về trình tự, thủ tục, hồ sơ, tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định thu hồi quyết định công nhận cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và thực hiện theo quy chế làm việc của Chính phủ.

4. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thu hồi quyết định công nhận cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; công khai trên báo, đài phát thanh, truyền hình trung ương và Cổng Thông tin điện tử Chính phủ.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Khen thưởng, kinh phí

1. Công tác khen thưởng xã, huyện đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao và đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM được thực hiện theo quy định về thực hiện Phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2021 - 2025 và quy định hiện hành.

2. Kinh phí thực hiện thẩm tra, thẩm định để xét, công nhận, thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (bao gồm: Họp, kiểm tra, khảo sát thực địa, tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân...) được bố trí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước giao các bộ, ngành trung ương, địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM hàng năm theo phân cấp quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định có liên quan.

Điều 33. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương, địa phương có liên quan nghiên cứu, chỉ đạo thí điểm thực hiện chuyển đổi số trong đánh giá, thẩm tra, thẩm định để đề nghị xét, công nhận và thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM đối với một số đơn vị cấp huyện để triển khai nhân rộng.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; kịp thời tham mưu Thủ tướng Chính phủ chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tiễn.

c) Giao Văn phòng Điều phối NTM Trung ương tiếp nhận hồ sơ và chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hoàn thiện thủ tục, tham mưu giúp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận và thu hồi quyết định công nhận: Huyện đạt chuẩn NTM; huyện đạt chuẩn NTM nâng cao; huyện đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh và cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM theo đúng quy định.

2. Các bộ, ngành trung ương liên quan:

a) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận và thu hồi quyết định công nhận: Huyện đạt chuẩn NTM; huyện đạt chuẩn NTM nâng cao; huyện đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh và cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

b) Bộ Công an hướng dẫn thực hiện tiêu chí theo quy định tại Điều 2 của Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có nội dung hướng dẫn xác định xã không phức tạp về an ninh, trật tự.

3. Đề nghị Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn nội dung, cách thức, quy trình lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với cấp tỉnh, cấp huyện, xã; cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh chỉ đạo các tổ chức cấp dưới tích cực tham gia phản biện, góp ý kết quả thực hiện xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu ở địa phương.

4. UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ và chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan:

a) Hoàn thiện thủ tục, tham mưu giúp UBND cấp tỉnh thẩm định, trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định công nhận và thu hồi quyết định công nhận: Xã đạt chuẩn NTM; xã đạt chuẩn NTM nâng cao; xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu;

b) Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ đề nghị thẩm định, xét, công nhận và thu hồi quyết định công nhận: Huyện đạt chuẩn NTM; huyện đạt chuẩn NTM nâng cao; thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh và cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

Phụ lục I

CÁC MẪU HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN

(Kèm theo Quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Mẫu số 01	Tờ trình đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu (của UBND xã).
Mẫu số 02	Tờ trình đề nghị thẩm định, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu (của UBND cấp huyện).
Mẫu số 03	Tờ trình đề nghị thẩm tra, xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao, thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (của UBND cấp huyện).
Mẫu số 04	Tờ trình đề nghị thẩm định, xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao, thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (của UBND cấp tỉnh).
Mẫu số 05	Tờ trình đề nghị thẩm định, xét, công nhận tỉnh/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (của UBND cấp tỉnh).
Mẫu số 06	Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới (của UBND xã).
Mẫu số 07	Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao (của UBND xã).
Mẫu số 08	Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu (của UBND xã).
Mẫu số 09	Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới (của UBND huyện).
Mẫu số 10	Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao (của UBND huyện).

Mẫu số 11	Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thị xã/thành phố (của UBND thị xã/thành phố).
Mẫu số 12	Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh/thành phố (của UBND cấp tỉnh).
Mẫu số 13	Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu (của UBND xã).
Mẫu số 14	Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao, thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (của UBND cấp huyện).
Mẫu số 15	Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh/thành phố (của UBND cấp tỉnh).
Mẫu số 16	Biên bản họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu (của UBND xã).
Mẫu số 17	Biên bản họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu (của UBND cấp huyện).
Mẫu số 18	Biên bản họp đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao, thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (của UBND cấp huyện).
Mẫu số 19	Biên bản họp đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao, thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (của UBND cấp tỉnh).
Mẫu số 20	Biên bản họp đề nghị xét, công nhận tỉnh/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (của UBND cấp tỉnh).
Mẫu số 21	Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới (của UBND cấp huyện).

Mẫu số 22	Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao (của UBND cấp huyện).
Mẫu số 23	Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu (của UBND cấp huyện).
Mẫu số 24	Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn huyện nông thôn mới (của UBND cấp tỉnh).
Mẫu số 25	Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao (của UBND cấp tỉnh).
Mẫu số 26	Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới đối với thị xã/thành phố (của UBND cấp tỉnh).
Mẫu số 27	Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu (của UBND cấp huyện).
Mẫu số 28	Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn huyện nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới đối với thị xã/thành phố (của UBND cấp tỉnh).
Mẫu số 29	Biểu tổng hợp danh sách các xã đạt chuẩn nông thôn mới (của UBND cấp huyện).
Mẫu số 30	Biểu tổng hợp danh sách các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (của UBND cấp huyện).
Mẫu số 31	Biểu tổng hợp danh sách các thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh (của UBND huyện).
Mẫu số 32	Biểu tổng hợp danh sách các phường đạt chuẩn đô thị văn minh (của UBND thị xã/thành phố).
Mẫu số 33	Biểu tổng hợp danh sách các đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (UBND cấp tỉnh).

Mẫu số 34	**Các mẫu bằng công nhận**
Mẫu số 34.1	Mẫu bằng công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.
Mẫu số 34.2	Mẫu bằng công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới, huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.
Mẫu số 34.3	Mẫu bằng công nhận thị xã, thành phố *(trực thuộc cấp tỉnh)* hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.
Mẫu số 34.4	Mẫu bằng công nhận tỉnh, thành phố *(trực thuộc Trung ương)* hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Mẫu số 01

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../TTr-UBND	*..., ngày... tháng... năm 20...*

TỜ TRÌNH

Đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã..... đạt chuẩn nông thôn mới/đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao/đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm.....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố....., tỉnh/thành phố.....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương).

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương).

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày...../...../20..... của UBND xã..... đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm.....

UBND xã..... kính trình UBND huyện/thị xã/thành phố..... thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm.....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Biên bản cuộc họp của UBND xã..... đề nghị xét, công nhận xã..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm..... (bản chính).

2. Báo cáo của UBND xã..... về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm..... của xã..... (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu).

3. Báo cáo của UBND xã..... tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc xã, các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã đối với kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm..... của xã..... (bản chính).

4. Báo cáo của UBND xã..... về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn xã..... (bản chính).

5. Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu của xã.....

Kính đề nghị UBND huyện/thị xã/thành phố....., tỉnh/thành phố..... xem xét, thẩm tra.

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,.....

TM. UBND XÃ...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN/THỊ XÃ/TP...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../TTr-UBND	*..., ngày... tháng... năm 20...*

TỜ TRÌNH

Đề nghị thẩm định, xét, công nhận xã..... đạt chuẩn nông thôn mới/đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao/đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm.....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương).

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương).

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày...../...../20.... của UBND huyện/thị xã/thành phố..... đề nghị xét, công nhận xã..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm.....

UBND huyện/thị xã/thành phố..... kính trình UBND tỉnh/thành phố..... thẩm định, xét công nhận xã..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm.....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Biên bản cuộc họp của UBND huyện/thị xã/thành phố..... đề nghị xét, công nhận xã..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm..... (bản chính).

2. Báo cáo của UBND huyện/thị xã/thành phố..... về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm..... đối với xã..... (bản chính, kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí xã: nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu đối với xã).

3. Báo cáo của UBND huyện/thị xã/thành phố..... tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm..... đối với xã..... (bản chính).

4. Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc huyện/thị xã/thành phố..... về kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã..... đối với việc công nhận xã..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm..... (bản chính).

(Kèm theo hồ sơ của UBND xã..... nộp để thẩm tra)

Kính đề nghị UBND tỉnh/thành phố..... xem xét, thẩm định.

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,.....

TM. UBND HUYỆN/THỊ XÃ/TP...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN/THỊ XÃ/TP...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../TTr-UBND	*..., ngày... tháng... năm 20...*

TỜ TRÌNH

Đề nghị thẩm tra, xét, công nhận huyện..... đạt chuẩn nông thôn mới/đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm.....; thị xã/thành phố... hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm...

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương).

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương).

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày...../...../20..... của UBND huyện/thị xã/thành phố..... đề nghị xét, công nhận: Huyện..... đạt chuẩn nông thôn mới/đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm.....; thị xã/thành phố..... hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm.....

UBND huyện/thị xã/thành phố..... kính trình UBND tỉnh/thành phố..... thẩm tra, đề nghị xét, công nhận: Huyện..... đạt chuẩn nông thôn mới/đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm.....; thị xã/thành phố..... hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm.....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Tổng hợp danh sách: Các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới/đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; các phường, thị trấn đã được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố..... (bản chính).

2. Biên bản cuộc họp của UBND huyện/thị xã/thành phố..... đề nghị xét, công nhận: Huyện..... đạt chuẩn nông thôn mới/đạt chuẩn nông thôn mới nâng

cao năm.....; thị xã/thành phố..... hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm..... (bản chính).

3. Báo cáo của UBND huyện/thị xã/thành phố..... về kết quả thực hiện: Xây dựng nông thôn mới/xây dựng nông thôn mới nâng cao năm..... của huyện.....; xây dựng nông thôn mới năm..... của thị xã/thành phố..... (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao đối với huyện).

4. Báo cáo của UBND huyện/thị xã/thành phố..... tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố đối với kết quả thực hiện: Xây dựng nông thôn mới/xây dựng nông thôn mới nâng cao năm..... của huyện.....; xây dựng nông thôn mới năm..... của thị xã/thành phố..... (bản chính).

5. Báo cáo của UBND huyện/thị xã/thành phố..... về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố..... (bản chính).

6. Hình ảnh minh họa, clip về kết quả thực hiện: Xây dựng nông thôn mới/xây dựng nông thôn mới nâng cao của huyện.....; xây dựng nông thôn mới của thị xã/thành phố.....

Kính đề nghị UBND tỉnh/thành phố..... xem xét, thẩm tra.

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,.....

TM. UBND HUYỆN/THỊ XÃ/TP...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 04

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH/TP...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../TTr-UBND	*..., ngày... tháng... năm 20...*

TỜ TRÌNH

Đề nghị thẩm định, xét, công nhận huyện..... đạt chuẩn nông thôn mới/đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm.....; thị xã/ thành phố..... hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm.....

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương).

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương).

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày...../...../20..... của UBND tỉnh/thành phố..... đề nghị xét, công nhận: Huyện..... đạt chuẩn nông thôn mới/đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm.....; thị xã/thành phố..... hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm.....

UBND tỉnh/thành phố..... kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, đề nghị xét, công nhận: Huyện..... đạt chuẩn nông thôn mới/đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm.....; thị xã/thành phố..... hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm.....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Biên bản cuộc họp của UBND tỉnh/thành phố..... đề nghị xét, công nhận: Huyện..... đạt chuẩn nông thôn mới/đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm.....; thị xã/thành phố..... hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm..... (bản chính).

2. Báo cáo của UBND tỉnh/thành phố..... về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ: Đạt chuẩn nông thôn mới/đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm..... đối với

huyện.....; hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm..... đối với thị xã/thành phố..... (bản chính, kèm theo biểu chi tiết thẩm tra kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao đối với huyện).

3. Báo cáo của UBND tỉnh/thành phố..... tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh/thành phố đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ: Đạt chuẩn nông thôn mới/đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm..... đối với huyện.....; hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm..... đối với thị xã/thành phố..... (bản chính).

4. Báo cáo của các sở, ngành tỉnh/thành phố..... (được giao phụ trách các nội dung, tiêu chí xây dựng huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao; thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới) đánh giá mức độ đạt chuẩn các nội dung, tiêu chí được giao phụ trách đối với huyện/thị xã/thành phố.....

5. Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc tỉnh/thành phố..... về kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố đối với việc công nhận: Huyện..... đạt chuẩn nông thôn mới/đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm.....; thị xã/thành phố..... hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm..... (bản chính).

6. Báo cáo của UBND tỉnh/thành phố..... về giải trình tiếp thu ý kiến kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc tỉnh/thành phố sau khi tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đối với việc công nhận: Huyện..... đạt chuẩn nông thôn mới/đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm.....; thị xã/thành phố..... hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm..... (bản chính).

(Kèm theo hồ sơ của UBND huyện/thị xã/thành phố..... nộp để thẩm tra)

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, thẩm định.

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,.....

TM. UBND TỈNH/TP...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 05

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH/TP...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../TTr-UBND	*..., ngày... tháng... năm 20...*

TỜ TRÌNH

Đề nghị thẩm định, xét, công nhận tỉnh/thành phố.....
hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm.....

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương).

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh/thành phố).

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày...../...../20..... của UBND tỉnh/thành phố..... đề nghị xét, công nhận tỉnh/thành phố..... hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm.....

UBND tỉnh/thành phố..... kính trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, đề nghị xét, công nhận tỉnh/thành phố..... hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm.....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình này, gồm có:

1. Tổng hợp danh sách: Các huyện đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới/đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; các thị xã, thành phố đã được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh/thành phố.... (bản chính).

2. Biên bản cuộc họp của UBND tỉnh/thành phố..... đề nghị xét, công nhận tỉnh/thành phố..... hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm..... (bản chính).

3. Báo cáo của UBND tỉnh/thành phố..... về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới năm..... của tỉnh/thành phố..... (bản chính).

4. Báo cáo của UBND tỉnh/thành phố..... tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh/thành phố đối với kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới năm..... của tỉnh/thành phố.... (bản chính).

5. Báo cáo của các sở, ngành tỉnh/thành phố..... (được giao phụ trách: các nội dung, tiêu chí xây dựng: huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao; thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới) đánh giá mức độ đạt chuẩn các nội dung, tiêu chí được giao phụ trách (bản chính).

6. Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc tỉnh/thành phố..... về kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn tỉnh/thành phố đối với việc công nhận tỉnh/thành phố..... hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm..... (bản chính).

7. Báo cáo của UBND tỉnh/thành phố..... giải trình tiếp thu ý kiến, kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc tỉnh/thành phố sau khi tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới của tỉnh/thành phố..... (bản chính).

8. Báo cáo của UBND tỉnh/thành phố..... về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh/thành phố..... (bản chính).

9. Báo cáo của UBND tỉnh/thành phố..... về tình hình, kết quả chỉ đạo thực hiện cam kết khắc phục những tồn tại, hạn chế trong xây dựng nông thôn mới đối với các đơn vị cấp huyện trên địa bàn được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (bản chính).

10. Đề án xây dựng nông thôn mới toàn tỉnh, thành phố giai đoạn 2021 - 2025 được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua.

11. Hình ảnh minh họa, clip về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới của tỉnh/thành phố.....

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, thẩm định.

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,.....

TM. UBND TỈNH/TP...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 06

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../BC-UBND	*....., ngày... tháng... năm 20...*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm.....
của xã....., huyện/thị xã/thành phố....., tỉnh/thành phố.....

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã

2. Thuận lợi

3. Khó khăn

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

a) Công tác truyền thông.

b) Công tác đào tạo, tập huấn.

3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân

a) Công tác phát triển kinh tế nông thôn.

b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.

c) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng xã nông thôn mới

Tổng kinh phí đã thực hiện:..... triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương:..... triệu đồng, chiếm.....%;

- Ngân sách cấp tỉnh:..... triệu đồng, chiếm.....%;

- Ngân sách cấp huyện:..... triệu đồng, chiếm.....%;

- Ngân sách xã:..... triệu đồng, chiếm.....%;

- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án:... triệu đồng, chiếm.....%;

- Vốn tín dụng:..... triệu đồng, chiếm.....%;

- Doanh nghiệp:..... triệu đồng, chiếm %;

- Nhân dân đóng góp:..... triệu đồng, chiếm %.

- Vốn huy động khác *(nếu có)*:..... triệu đồng, chiếm.....%.

IV. Kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định là...../..... (tổng số) tiêu chí, đạt.....%, cụ thể *(cần đánh giá cụ thể: khối lượng đã thực hiện hoàn thành/tổng khối lượng cần phải thực hiện, tỷ lệ (%) đạt chuẩn, mức độ đạt chuẩn đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu)*:

1. Tiêu chí số..... về.....

a) Yêu cầu của tiêu chí:.....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:.....

- Các nội dung đã thực hiện:.....

- Khối lượng đã thực hiện:.....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có):..... triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí..... *(tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí)*.

n. Tiêu chí số..... về.....

a) Yêu cầu của tiêu chí:.....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:.....

- Các nội dung đã thực hiện:.....

- Khối lượng đã thực hiện:.....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có):..... triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí..... *(tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí)*.

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

4. Những mô hình xây dựng nông thôn mới tiêu biểu

VI. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới

1. Quan điểm

2. Mục tiêu

3. Nội dung, giải pháp

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,.....

TM. UBND XÃ...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM.....
của xã....., huyện/thị xã/thành phố....., tỉnh/thành phố.....
(Kèm theo Báo cáo số...../BC-UBND ngày... tháng... năm 20... của UBND xã.....)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn *(Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)*	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
1		1.1.....			
		1.2.....			
		...			
2		2.1.....			
		2.2.....			
		...			
...		...			

Mẫu số 07

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../BC-UBND	*..., ngày... tháng... năm 20...*

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao đến năm.....
của xã....., huyện/thị xã/thành phố....., tỉnh/thành phố.....

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã

2. Thuận lợi

3. Khó khăn

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

a) Công tác truyền thông.

b) Công tác đào tạo, tập huấn.

3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân

a) Công tác phát triển kinh tế nông thôn.

b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.

c) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Tổng kinh phí đã thực hiện:..... triệu đồng, trong đó:..... *(cần nêu cụ thể: số kinh phí, tỷ lệ (%) của từng nguồn vốn)*.

IV. Kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

1. Xã..... đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm..... *(cần nêu cụ thể: số, ký hiệu, ngày tháng năm, trích yếu, cấp có thẩm quyền quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới)*.

2. Kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định là...../..... (tổng số) tiêu chí, đạt.....%, cụ thể *(cần đánh giá cụ thể: khối lượng đã thực hiện hoàn thành/tổng khối lượng cần phải thực hiện, tỷ lệ (%) đạt chuẩn, mức độ đạt chuẩn đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu)*:

2.1. Tiêu chí số..... về.....:

a) Yêu cầu của tiêu chí:.....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:.....

- Các nội dung đã thực hiện:.....

- Khối lượng đã thực hiện:.....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có):..... triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí..... *(tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí)*.

2.n. Tiêu chí số..... về.....:

a) Yêu cầu của tiêu chí:.....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:.....

- Các nội dung đã thực hiện:.....

- Khối lượng đã thực hiện:.....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có):..... triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí..... *(tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí)*.

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

4. Những mô hình xây dựng nông thôn mới tiêu biểu

VI. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

1. Quan điểm

2. Mục tiêu

3. Nội dung, giải pháp

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,.....

TM. UBND XÃ...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẾN NĂM.....
của xã....., huyện/thị xã/thành phố....., tỉnh/thành phố.....
(Kèm theo Báo cáo số..../BC-UBND ngày... tháng... năm 20... của UBND xã.....)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn *(Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)*	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
1		1.1.....			
		1.2.....			
		...			
2		2.1.....			
		2.2.....			
		...			
...		...			

Mẫu số 08

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../BC-UBND	*..., ngày... tháng... năm 20...*

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu về.....
đến năm... của xã....., huyện/thị xã/thành phố....., tỉnh/thành phố.....

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã

2. Thuận lợi

3. Khó khăn

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

a) Công tác truyền thông.

b) Công tác đào tạo, tập huấn.

3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân

a) Công tác phát triển kinh tế nông thôn.

b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.

c) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu

Tổng kinh phí đã thực hiện:..... triệu đồng, trong đó:..... *(cần nêu cụ thể: số kinh phí, tỷ lệ (%) của từng nguồn vốn)*.

IV. Kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu

1. Xã..... đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao năm..... *(cần nêu cụ thể: số, ký hiệu, ngày tháng năm, trích yếu, cấp có thẩm quyền quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao)*.

2. Thu nhập bình quân đầu người của xã.

3. Có..... mô hình thôn thông minh *(cần đánh giá cụ thể kết quả thực hiện từng mô hình)*.

4. Kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu về..... *(cần nêu cụ thể lĩnh vực kiểu mẫu của xã: về sản xuất, về giáo dục, về văn hóa, về du lịch, về cảnh quan môi trường, về an ninh trật tự,...)*

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo lĩnh vực..... là...../..... (tổng số) tiêu chí, đạt.....%, cụ thể *(cần đánh giá cụ thể: khối lượng đã thực hiện hoàn thành/tổng khối lượng cần phải thực hiện, tỷ lệ (%) đạt chuẩn, mức độ đạt chuẩn đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu)*:

4.1. Tiêu chí số..... về.....:

a) Yêu cầu của tiêu chí:.....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:.....

- Các nội dung đã thực hiện:.....

- Khối lượng đã thực hiện:.....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có):..... triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí..... *(tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí)*.

4.n. Tiêu chí số..... về.....:

a) Yêu cầu của tiêu chí:.....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:.....

- Các nội dung đã thực hiện:.....

- Khối lượng đã thực hiện:.....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có):..... triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí..... *(tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí)*.

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

4. Những mô hình xây dựng nông thôn mới tiêu biểu

VI. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu

1. Quan điểm

2. Mục tiêu

3. Nội dung, giải pháp

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,.....

TM. UBND XÃ...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU VỀ... ĐẾN NĂM...
của xã....., huyện/thị xã/thành phố....., tỉnh/thành phố.....
(Kèm theo Báo cáo số...../BC-UBND ngày... tháng... năm 20... của UBND xã.....)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn *(Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể UBND cấp tỉnh quy định)*	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
1		1.1.....			
		1.2.....			
		...			
2		2.1.....			
		2.2.....			
		...			
...		...			

Mẫu số 09

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../BC-UBND	*..., ngày... tháng... năm 20...*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm.....
của huyện....., tỉnh/thành phố.....

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội..... của huyện

2. Thuận lợi

3. Khó khăn *(trong đó cần nêu cụ thể khó khăn khi bắt đầu triển khai xây dựng NTM như: bình quân tiêu chí/xã; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn/năm; tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn;.....)*

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

2.1. Công tác truyền thông.

2.2. Công tác đào tạo, tập huấn.

3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng huyện nông thôn mới

Tổng kinh phí đã thực hiện:..... triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương:..... triệu đồng, chiếm.....%;
- Ngân sách cấp tỉnh:..... triệu đồng, chiếm.....%;
- Ngân sách huyện:..... triệu đồng, chiếm.....%;
- Ngân sách xã:..... triệu đồng, chiếm.....%;
- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án:..... triệu đồng, chiếm....%;

- Vốn tín dụng:..... triệu đồng, chiếm.....%;

- Doanh nghiệp:..... triệu đồng, chiếm.....%;

- Nhân dân đóng góp:..... triệu đồng, chiếm.....%;

- Vốn huy động khác *(nếu có)*:..... triệu đồng, chiếm.....%.

IV. Kết quả thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới

1. Số xã, thị trấn đạt chuẩn theo quy định

1.1. Số xã đạt chuẩn theo quy định:

- Tổng số xã trên địa bàn huyện:

- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới:

- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới:

- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao:

- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao:

1.2. Số thị trấn đạt chuẩn theo quy định:

- Tổng số thị trấn trên địa bàn huyện:

- Số thị trấn đã được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh:

- Tỷ lệ số thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh:

2. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các xã *(cần đánh giá chung cho tất cả các xã về từng chỉ tiêu, tiêu chí)*

2.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch:

2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu:

- Về giao thông:

- Về thủy lợi:

- Về điện:

- Về trường học:

- Về cơ sở vật chất văn hóa:

- Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

- Về thông tin và truyền thông:

- Về nhà ở dân cư:

2.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo:

- Về nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản:

- Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ:

- Phản ánh một số kết quả chính: Thu nhập bình quân đầu người/năm và tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn của huyện.

- Về lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ:

- Về tổ chức sản xuất:

2.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường:

- Về giáo dục và đào tạo:

- Về y tế:

- Về văn hóa:

- Về môi trường và an toàn thực phẩm:

2.5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội:

3. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới

3.1. Tiêu chí số..... về.....:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:.....

- Các nội dung đã thực hiện:.....

- Khối lượng đã thực hiện:.....

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí..... *(tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí)*.

3.n. Tiêu chí số..... về.....:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:.....

- Các nội dung đã thực hiện:.....

- Khối lượng đã thực hiện:.....

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí..... *(tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí)*.

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

4. Những mô hình xây dựng nông thôn mới tiêu biểu

VI. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

1. Quan điểm

2. Mục tiêu

3. Nội dung, giải pháp

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,.....

TM. UBND HUYỆN...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Đối với phần *"Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các xã"*: Cần đánh giá cụ thể, chi tiết kết quả thực hiện từng chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới và đối chiếu với quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, đánh giá chung cho tất cả các xã về: khối lượng đã thực hiện hoàn thành/tổng khối lượng cần thực hiện, tỷ lệ (%) đạt chuẩn, mức độ đạt chuẩn; so sánh với thời điểm bắt đầu triển khai xây dựng nông thôn mới (để thấy rõ mức tăng trưởng của từng chỉ tiêu, tiêu chí). Trong đó, cần làm rõ một số nội dung có liên quan trực tiếp đến nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân: (1) Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân/ha; (2) Hiệu quả của các mô hình sản xuất điển hình của từng xã: Trồng trọt (nêu rõ địa điểm, quy mô diện tích, loại cây trồng cụ thể, doanh thu bình quân/ha/năm, lợi nhuận bình quân/ha/năm); chăn nuôi/thủy sản (nêu rõ địa điểm, quy mô, vật nuôi cụ thể, doanh thu bình quân/năm, lợi nhuận bình quân/năm); (3) Tình hình, kết quả phát triển các sản phẩm OCOP; (4) Hiệu quả hoạt động cụ thể của HTX điển hình ở từng xã (lĩnh vực hoạt động, quy mô, số thành viên tham gia, doanh thu bình quân/năm, thu nhập bình quân của thành viên HTX/tháng, giải quyết việc làm cho bao nhiêu lao động và mức thu nhập bình quân của người lao động/tháng); (5) Hiệu quả của mô hình điển hình về liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị của từng xã (tên mô hình, đơn vị/cá nhân chủ trì, địa điểm, quy mô, sản phẩm chủ lực, sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, thu hút lao động và mức thu nhập bình quân của người lao động...); (6) Hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa và chất lượng hoạt động văn hóa tại các khu dân cư, cộng đồng; việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, các di tích lịch sử, văn hóa gắn với phát triển du lịch; (7) Môi trường, an toàn thực phẩm; (8) Các mô hình an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả; việc đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn các xã;...

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ
HUYỆN NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM.....
của huyện....., tỉnh/thành phố.....

(Kèm theo Báo cáo số.../BC-UBND ngày... tháng... năm 20... của UBND huyện.....)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn *(Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với huyện NTM)*	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
1		1.1.....			
		1.2.....			
		...			
2		2.1.....			
		2.2.....			
		...			
...		...			

Mẫu số 10

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../BC-UBND	*..., ngày... tháng... năm 20...*

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao đến năm.....
của huyện....., tỉnh/thành phố.....

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội..... của huyện

2. Thuận lợi

3. Khó khăn *(trong đó cần nêu cụ thể những khó khăn đặc thù khi bắt đầu triển khai xây dựng NTM nâng cao trên địa bàn huyện)*

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

2.1. Công tác truyền thông.

2.2. Công tác đào tạo, tập huấn.

3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao

Tổng kinh phí đã thực hiện:..... triệu đồng, trong đó:..... *(cần nêu cụ thể: số kinh phí, tỷ lệ (%) của từng nguồn vốn)*.

IV. Kết quả thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao

1. Huyện..... đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm..... *(cần nêu cụ thể: số, ký hiệu, ngày tháng năm, trích yếu của quyết định công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới)*.

2. Số xã, thị trấn đạt chuẩn theo quy định

2.1. Số xã đạt chuẩn theo quy định:

- Tổng số xã trên địa bàn huyện:

- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới:

- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới:

- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao:

- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao:

2.2. Số thị trấn đạt chuẩn theo quy định:

- Tổng số thị trấn trên địa bàn huyện:

- Số thị trấn đã được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh:

- Tỷ lệ số thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh:

3. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao ở các xã *(cần đánh giá chung cho tất cả các xã về từng chỉ tiêu, tiêu chí)*

3.1. Về quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch:

3.2. Về giao thông:

3.3. Về thủy lợi và phòng chống thiên tai:

3.4. Về điện:

3.5. Về giáo dục:

3.6. Về văn hóa:

3.7. Về dịch vụ, thương mại:

3.8. Về thông tin và truyền thông:

3.9. Về nhà ở dân cư:

3.10. Về thu nhập:

3.11. Về hộ nghèo:

3.12. Về lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ:

3.13. Về tổ chức sản xuất:

3.14. Về y tế:

3.15. Về hành chính công:

3.16. Về tiếp cận pháp luật:

3.17. Về môi trường:

3.18. Về chất lượng môi trường sống:

3.19. Về quốc phòng và an ninh:

4. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao

4.1. Tiêu chí số..... về.....:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:.....

- Các nội dung đã thực hiện:.....

- Khối lượng đã thực hiện:.....

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí..... *(tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí)*.

4.n. Tiêu chí số..... về.....:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:.....

- Các nội dung đã thực hiện:.....

- Khối lượng đã thực hiện:.....

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí..... *(tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí)*.

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

4. Những mô hình xây dựng nông thôn mới tiêu biểu

VI. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao

1. Quan điểm

2. Mục tiêu

3. Nội dung, giải pháp

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,.....

TM. UBND HUYỆN...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Đối với phần *"Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao ở các xã"*: Cần đánh giá cụ thể, chi tiết kết quả thực hiện từng chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và đối chiếu với quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025, đánh giá chung cho tất cả các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao về: khối lượng đã thực hiện hoàn thành/tổng khối lượng cần thực hiện, tỷ lệ (%) đạt chuẩn, mức độ đạt chuẩn; so sánh với thời điểm bắt đầu triển khai xây dựng nông thôn mới nâng cao (để thấy rõ mức tăng trưởng của từng chỉ tiêu, tiêu chí). Trong đó, cần làm rõ một số nội dung có liên quan trực tiếp đến nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân: (1) Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân/ha; (2) Hiệu quả của các mô hình điển hình về sản xuất ứng dụng công nghệ cao của từng xã: Trồng trọt (nêu rõ địa điểm, quy mô diện tích, công nghệ cao được áp dụng cụ thể, loại cây trồng cụ thể, doanh thu bình quân/ha/năm, lợi nhuận bình quân/ha/năm); Chăn nuôi/thủy sản (nêu rõ địa điểm, quy mô, công nghệ cao được áp dụng cụ thể, vật nuôi cụ thể, doanh thu bình quân/năm, lợi nhuận bình quân/năm); (3) Hiệu quả cụ thể của các mô hình điển hình về áp dụng cơ giới hóa các khâu trong sản xuất gắn với sản xuất an toàn thực phẩm của từng xã; (4) Tình hình, kết quả phát triển các sản phẩm OCOP; (5) Hiệu quả hoạt động cụ thể của HTX điển hình ở từng xã (lĩnh vực hoạt động, quy mô, số thành viên tham gia, doanh thu bình quân/năm, thu nhập bình quân của thành viên HTX/tháng, giải quyết việc làm cho bao nhiêu lao động và mức thu nhập bình quân của người lao động/tháng); (6) Hiệu quả của mô hình điển hình về liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị của từng xã (tên mô hình, đơn vị/cá nhân chủ trì, địa điểm, quy mô, sản phẩm chủ lực, sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, thu hút lao động và mức thu nhập bình quân của người lao động...); (7) Hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa và chất lượng hoạt động văn hóa tại các khu dân cư, cộng đồng; việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, các di tích lịch sử, văn hóa gắn với phát triển du lịch; (8) Môi trường, an toàn thực phẩm; (9) Chất lượng môi trường sống; (10) Các mô hình an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả; việc đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn các xã;...

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ
HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẾN NĂM.....
của huyện....., tỉnh/thành phố.....

(Kèm theo Báo cáo số.../BC-UBND ngày... tháng... năm 20... của UBND huyện.....)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn *(Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với huyện NTM nâng cao)*	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
1		1.1.....			
		1.2.....			
		...			
2		2.1.....			
		2.2.....			
		...			
...		...			

Mẫu số 11

ỦY BAN NHÂN DÂN **THỊ XÃ/TP...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../BC-UBND	*..., ngày... tháng... năm 20...*

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm.....
của thị xã/thành phố....., tỉnh/thành phố.....

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tổng quan về: Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội..... của thị xã/thành phố; điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội *(diện tích, dân số, dân tộc, cơ cấu kinh tế,...)* của các xã trên địa bàn thị xã/thành phố.

2. Thuận lợi

3. Khó khăn *(trong đó cần nêu cụ thể khó khăn khi bắt đầu triển khai xây dựng NTM như: bình quân tiêu chí/xã; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn/năm; tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn;.....)*

II. Căn cứ triển khai thực hiện xây dựng thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

a) Công tác truyền thông.

b) Công tác đào tạo, tập huấn.

3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thị xã/thành phố

Tổng kinh phí đã thực hiện:..... triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương:..... triệu đồng, chiếm.....%;

- Ngân sách cấp tỉnh:..... triệu đồng, chiếm.....%;

- Ngân sách thị xã/thành phố:..... triệu đồng, chiếm.....%;

- Ngân sách xã:..... triệu đồng, chiếm.....%;

- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án:..... triệu đồng, chiếm....%;

- Vốn tín dụng:..... triệu đồng, chiếm.....%;

- Doanh nghiệp:..... triệu đồng, chiếm.....%;

- Nhân dân đóng góp:..... triệu đồng, chiếm.....%.

- Vốn huy động khác *(nếu có)*:..... triệu đồng, chiếm.....%.

IV. Kết quả xây dựng nông thôn mới của thị xã/thành phố

1. Số xã, phường đạt chuẩn theo quy định

1.1. Số xã đạt chuẩn theo quy định:

- Tổng số xã trên địa bàn thị xã/thành phố:

- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới:

- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới:

- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao:

- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao:

1.2. Số phường đạt chuẩn theo quy định:

- Tổng số phường trên địa bàn thị xã/thành phố:

- Số phường đã được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh:

- Tỷ lệ số phường đạt chuẩn đô thị văn minh:

2. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các xã *(cần đánh giá chung cho tất cả các xã về từng chỉ tiêu, tiêu chí)*

2.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch:

2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu:

- Về giao thông:

- Về thủy lợi:

- Về điện:

- Về trường học:

- Về cơ sở vật chất văn hóa:

- Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

- Về thông tin và truyền thông:

- Về nhà ở dân cư:

2.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo:

- Về nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản:

- Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ:

- Phản ánh một số kết quả chính: Thu nhập bình quân đầu người/năm và tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn của thị xã/thành phố.

- Về lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ:

- Về tổ chức sản xuất:

2.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường:

- Về giáo dục và đào tạo:

- Về y tế:

- Về văn hóa:

- Về môi trường và an toàn thực phẩm:

2.5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội:

3. Đất cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị trên địa bàn *(cần đánh giá cụ thể kết quả thực hiện)*:

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

4. Những mô hình xây dựng nông thôn mới tiêu biểu

VI. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

1. Quan điểm

2. Mục tiêu

3. Nội dung, giải pháp

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,.....

TM. UBND THỊ XÃ/TP...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Đối với phần *"Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các xã"*: Cần đánh giá cụ thể, chi tiết kết quả thực hiện từng chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới và đối chiếu với quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, đánh giá chung cho tất cả các xã về: khối lượng đã thực hiện hoàn thành/tổng khối lượng cần thực hiện, tỷ lệ (%) đạt chuẩn, mức độ đạt chuẩn; so sánh với thời điểm bắt đầu triển khai xây dựng nông thôn mới (để thấy rõ mức tăng trưởng của từng chỉ tiêu, tiêu chí). Trong đó, cần làm rõ một số nội dung có liên quan trực tiếp đến nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân: (1) Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân/ha; (2) Hiệu quả của các mô hình sản xuất điển hình của từng xã: Trồng trọt (nêu rõ địa điểm, quy mô diện tích, loại cây trồng cụ thể, doanh thu bình quân/ha/năm, lợi nhuận bình quân/ha/năm); Chăn nuôi/thủy sản (nêu rõ địa điểm, quy mô, vật nuôi cụ thể, doanh thu bình quân/năm, lợi nhuận bình quân/năm); (3) Tình hình, kết quả phát triển các sản phẩm OCOP; (4) Hiệu quả hoạt động cụ thể của HTX điển hình ở từng xã (lĩnh vực hoạt động, quy mô, số thành viên tham gia, doanh thu bình quân/năm, thu nhập bình quân của thành viên HTX/tháng, giải quyết việc làm cho bao nhiêu lao động và mức thu nhập bình quân của người lao động/tháng); (5) Hiệu quả của mô hình điển hình về liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị của từng xã (tên mô hình, đơn vị/cá nhân chủ trì, địa điểm, quy mô, sản phẩm chủ lực, sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, thu hút lao động và mức thu nhập bình quân của người lao động...); (6) Hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa và chất lượng hoạt động văn hóa tại các khu dân cư, cộng đồng; việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, các di tích lịch sử, văn hóa gắn với phát triển du lịch; (7) Môi trường, an toàn thực phẩm; (8) Các mô hình an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả; việc đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn các xã;...

Mẫu số 12

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH/TP...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../BC-UBND	*..., ngày... tháng... năm 20...*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm.....
của tỉnh/thành phố.....

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tổng quan về: Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh/thành phố; điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội *(diện tích, dân số, dân tộc, cơ cấu kinh tế,...)* khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh/thành phố.

2. Thuận lợi

3. Khó khăn *(trong đó cần nêu cụ thể khó khăn khi bắt đầu triển khai xây dựng NTM như: bình quân tiêu chí/xã; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn/năm; tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn;.....)*

II. Căn cứ triển khai thực hiện xây dựng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh/thành phố

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của tỉnh/thành phố.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng tỉnh/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

- Công tác truyền thông.

- Công tác đào tạo, tập huấn.

3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh/thành phố

Tổng kinh phí đã thực hiện trên địa bàn tỉnh/thành phố là..... triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương:..... triệu đồng, chiếm.....%.

- Ngân sách tỉnh/thành phố:..... triệu đồng, chiếm.....%.

- Ngân sách cấp huyện:..... triệu đồng, chiếm.....%.

- Ngân sách xã:..... triệu đồng, chiếm.....%.

- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án:..... triệu đồng, chiếm....%.

- Vốn tín dụng:..... triệu đồng, chiếm.....%.

- Doanh nghiệp:..... triệu đồng, chiếm.....%.

- Nhân dân đóng góp:..... triệu đồng, chiếm.....%.

- Vốn huy động khác *(nếu có)*:..... triệu đồng, chiếm.....%.

IV. Kết quả xây dựng nông thôn mới của tỉnh/thành phố

1. Đề án xây dựng nông thôn mới toàn tỉnh/thành phố..... đã được Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố thông qua tại..... (cần nêu cụ thể: số, ký hiệu, ngày tháng năm, trích yếu của văn bản thông qua Đề án xây dựng nông thôn mới toàn tỉnh/thành phố)

2. Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo quy định

2.1. Số huyện đạt chuẩn theo quy định:

- Tổng số huyện trên địa bàn tỉnh/thành phố:

- Số huyện đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới:

- Tỷ lệ số huyện đạt chuẩn nông thôn mới:

- Số huyện đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao:

- Tỷ lệ số huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao:

2.2. Số thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo quy định:

- Tổng số thị xã/thành phố trên địa bàn tỉnh/thành phố:

- Số thị xã/thành phố đã được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới:

- Tỷ lệ số thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới:

3. Số xã đạt chuẩn theo quy định

- Tổng số xã trên địa bàn tỉnh/thành phố:

- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới:

- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới:

- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao:

- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao:

4. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các xã *(cần đánh giá chung cho tất cả các xã về từng chỉ tiêu, tiêu chí)*

4.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch:

4.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu:

- Về giao thông:

- Về thủy lợi:

- Về điện:

- Về trường học:

- Về cơ sở vật chất văn hóa:

- Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

- Về thông tin và truyền thông:

- Về nhà ở dân cư:

4.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo:

- Về nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản:

- Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ:

- Phản ánh một số kết quả chính: Thu nhập bình quân đầu người/năm và tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn của tỉnh/thành phố.

- Về lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ:

- Về tổ chức sản xuất:

4.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường:

- Về giáo dục và đào tạo:

- Về y tế:

- Về văn hóa:

- Về môi trường và an toàn thực phẩm:

4.5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội:

5. Kết quả xây dựng huyện nông thôn mới *(cần đánh giá chung cho tất cả các huyện về từng chỉ tiêu, tiêu chí)*

5.1. Công tác lập, tổ chức thực hiện quy hoạch:

5.2. Về giao thông:

5.3. Về thủy lợi:

5.4. Về điện:

5.5. Về y tế - văn hóa - giáo dục:

5.6. Về kinh tế:

5.7. Về môi trường:

5.8. Về chất lượng môi trường sống:

5.9. Về an ninh trật tự - hành chính công:

6. Số lượng, tỷ lệ *(%)* km đường huyện, đường tỉnh, quốc lộ trên địa bàn được trồng xây xanh dọc tuyến *(cần đánh giá cụ thể kết quả thực hiện)*:

7. Đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn *(cần đánh giá cụ thể kết quả thực hiện)*:

8. Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh/thành phố quản lý *(cần đánh giá cụ thể kết quả thực hiện)*:

VI. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được:

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

3. Bài học kinh nghiệm:

VII. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao

1. Quan điểm:

2. Mục tiêu:

3. Nội dung, giải pháp

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,.....

TM. UBND TỈNH/TP...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Đối với phần *"Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các xã"*: Cần đánh giá cụ thể, chi tiết kết quả thực hiện từng chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới và đối chiếu với quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, đánh giá chung cho tất cả các xã về: khối lượng đã thực hiện hoàn thành/tổng khối lượng cần thực hiện, tỷ lệ (%) đạt chuẩn, mức độ đạt chuẩn; so sánh với thời điểm bắt đầu triển khai xây dựng nông thôn mới (để thấy rõ mức tăng trưởng của từng chỉ tiêu, tiêu chí). Trong đó, cần làm rõ một số nội dung có liên quan trực tiếp đến nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân: (1) Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân/ha; (2) Hiệu quả của các mô hình sản xuất điển hình của từng xã: Trồng trọt (nêu rõ địa điểm, quy mô diện tích, loại cây trồng cụ thể, doanh thu bình quân/ha/năm, lợi nhuận bình quân/ha/năm); Chăn nuôi/thủy sản (nêu rõ địa điểm, quy mô, vật nuôi cụ thể, doanh thu bình quân/năm, lợi nhuận bình quân/năm); (3) Tình hình, kết quả phát triển các sản phẩm OCOP; (4) Hiệu quả hoạt động cụ thể của HTX điển hình ở từng xã (lĩnh vực hoạt động, quy mô, số thành viên tham gia, doanh thu bình quân/năm, thu nhập bình quân của thành viên HTX/tháng, giải quyết việc làm cho bao nhiêu lao động và mức thu nhập bình quân của người lao động/tháng); (5) Hiệu quả của mô hình điển hình về liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị của từng xã (tên mô hình, đơn vị/cá nhân chủ trì, địa điểm, quy mô, sản phẩm chủ lực, sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, thu hút lao động và mức thu nhập bình quân của người lao động...); (6) Hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa và chất lượng hoạt động văn hóa tại các khu dân cư, cộng đồng; việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, các di tích lịch sử, văn hóa gắn với phát triển du lịch; (7) Môi trường, an toàn thực phẩm; (8) Các mô hình an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả; việc đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn các xã;...

Mẫu số 13

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../BC-UBND	*..., ngày... tháng... năm 20...*

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu đến năm... trên địa bàn xã..., huyện/thị xã/thành phố..., tỉnh/thành phố...

I. Tóm tắt quá trình UBND xã tổ chức lấy ý kiến tham gia

- .....

- .....

II. Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm..... trên địa bàn xã.....

1. Ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã

- Hình thức tham gia ý kiến: .....

- Ý kiến tham gia: .....

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

2. Ý kiến tham gia của các tổ chức khác trên địa bàn xã (các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, hợp tác xã,....)

- Hình thức tham gia ý kiến: .....

- Ý kiến tham gia: .....

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn xã

- Ý kiến tham gia: .....

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND xã

- .....

- .....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,.....

TM. UBND XÃ...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 14

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN/THỊ XÃ/TP.....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../BC-UBND	*..., ngày... tháng... năm 20...*

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao, thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới đến năm..... trên địa bàn huyện/thị xã/TP....., tỉnh/TP.....

I. Tóm tắt quá trình UBND huyện/thị xã/TP tổ chức lấy ý kiến tham gia

.....

II. Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao, thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm..... trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố.....

1. Ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của huyện/thị xã/thành phố

- Hình thức tham gia ý kiến: .....
- Ý kiến tham gia: .....
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

2. Ý kiến tham gia của UBND các xã trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố

- Hình thức tham gia ý kiến: .....
- Ý kiến tham gia: .....
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

3. Ý kiến tham gia của các đơn vị, tổ chức khác trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố (tên đơn vị, tổ chức:.....)

- Hình thức tham gia ý kiến: .....

- Ý kiến tham gia: .....

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

4. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố

- Ý kiến tham gia: .....

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND huyện/thị xã/thành phố

.....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,.....

TM. UBND HUYỆN/THỊ XÃ/TP...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 15

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH/TP...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../BC-UBND	*...., ngày.... tháng.... năm.....*

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm..... trên địa bàn tỉnh/thành phố.....

I. Tóm tắt quá trình UBND tỉnh/thành phố tổ chức lấy ý kiến tham gia

- .....

II. Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh/thành phố.....

1. Ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh/thành phố

- Hình thức tham gia ý kiến: .....

- Ý kiến tham gia: .....

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

2. Ý kiến tham gia của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh/thành phố

- Hình thức tham gia ý kiến: .....

- Ý kiến tham gia: .....

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

3. Ý kiến tham gia của các đơn vị, tổ chức khác trên địa bàn tỉnh/thành phố (tên đơn vị, tổ chức:.....)

- Hình thức tham gia ý kiến: .....

- Ý kiến tham gia: .....

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

4. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn tỉnh/thành phố

- Ý kiến tham gia: .....

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND tỉnh/thành phố

- .....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,.....

TM. UBND TỈNH/TP...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 16

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	...., ngày.... tháng.... năm.....

BIÊN BẢN

Họp đề nghị xét, công nhận xã..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm...

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số..... ngày...../...../..... của UBND xã..... về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao/xã nông thôn mới kiểu mẫu năm..... của xã.

Căn cứ Báo cáo số..... ngày...../...../..... của UBND xã..... về kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao/xã nông thôn mới kiểu mẫu năm..... của xã.

Hôm nay, vào hồi..... giờ..... phút ngày...../...../..... tại....., UBND xã..... (huyện/thị xã/thành phố....., tỉnh/thành phố.....) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm....., cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà):..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà):..... - Chức vụ, đơn vị công tác;

-.....

- Ông (bà):..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND xã báo cáo kết quả: Tự đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu của xã; tổng hợp ý kiến

tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao/xã nông thôn mới kiểu mẫu của xã.

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị, xét công nhận xã..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm....., cụ thể như sau:

- .....

3. Kết quả bỏ phiếu: Số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận xã..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm..... là...../tổng số..... thành viên tham dự cuộc họp, đạt.....%.

Biên bản kết thúc hồi..... giờ..... phút ngày...../...../....., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí.....%.

Biên bản này được lập thành..... bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND xã lưu..... bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới gửi UBND huyện/thị xã/thành phố..... bản.

THƯ KÝ CUỘC HỌP	**CHỦ TRÌ CUỘC HỌP**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 17

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN/THỊ XÃ/TP...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

...., ngày.... tháng.... năm.....

BIÊN BẢN

Họp đề nghị xét, công nhận xã..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm...

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số..... ngày...../...../..... của UBND huyện/thị xã/thành phố..... về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm..... đối với xã.....

Căn cứ Báo cáo số..... ngày...../...../..... của UBND huyện/thị xã/thành phố..... về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm..... đối với xã.....

Hôm nay, vào hồi..... giờ..... phút ngày...../...../..... tại....., UBND huyện/thị xã/thành phố..... (tỉnh/thành phố.....) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận xã..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm....., cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà):..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà):..... - Chức vụ, đơn vị công tác;

- .....

- Ông (bà):..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND huyện/thị xã/thành phố trình bày Báo cáo: Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu

năm..... đối với xã.....; tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm..... đối với xã.....

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện/thị xã/thành phố trình bày Báo cáo kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc công nhận xã..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm.....

3. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị xét, công nhận xã..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm....., cụ thể như sau:

- .....

- .....

4. Kết quả bỏ phiếu: Số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận xã..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm..... là...../tổng số.....thành viên tham dự cuộc họp, đạt.....%.

Biên bản kết thúc hồi..... giờ..... phút ngày...../...../...., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí.....%.

Biên bản này được lập thành..... bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND huyện/thị xã/thành phố lưu..... bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu gửi UBND tỉnh/thành phố..... bản.

THƯ KÝ CUỘC HỌP	**CHỦ TRÌ CUỘC HỌP**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 18

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN/THỊ XÃ/TP...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	...., ngày.... tháng.... năm.....

BIÊN BẢN

Họp đề nghị xét, công nhận huyện..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao, thị xã/thành phố..... hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm.....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số..... ngày...../...../.... của UBND huyện/thị xã/thành phố..... về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao, thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm.....

Căn cứ Báo cáo số..... ngày...../...../.... của UBND huyện/thị xã/thành phố..... về kết quả thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao, thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm xây dựng nông thôn mới năm.....

Hôm nay, vào hồi..... giờ..... phút ngày...../...../..... tại....., UBND huyện/thị xã/thành phố..... (tỉnh/thành phố.....) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao, thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm xây dựng nông thôn mới năm....., cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà):..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà):..... - Chức vụ, đơn vị công tác;

- .....

- Ông (bà):..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND huyện/thị xã/thành phố báo cáo kết quả: Tự đánh giá kết quả thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao, thị xã/thành phố

hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm.....; tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao, thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm.....

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị xét, công nhận huyện..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao, thị xã/thành phố..... hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm....., cụ thể như sau:

- .....

- .....

3. Kết quả bỏ phiếu: Số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận huyện..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao, thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm..... là...../tổng số..... thành viên tham dự cuộc họp, đạt.....%.

Biên bản kết thúc hồi..... giờ..... phút ngày..../...../....., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí.....%.

Biên bản này được lập thành..... bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND huyện/thị xã/thành phố lưu..... bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu, thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, gửi UBND tỉnh..... bản.

THƯ KÝ CUỘC HỌP	**CHỦ TRÌ CUỘC HỌP**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 19

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH/TP...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

...., ngày.... tháng.... năm.....

BIÊN BẢN

Họp đề nghị xét, công nhận huyện..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao, thị xã/thành phố..... hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm.....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số..... ngày...../...../.... của UBND tỉnh/thành phố..... về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm..... đối với huyện/thị xã/thành phố.....

Căn cứ Báo cáo số..... ngày...../...../.... của UBND tỉnh/thành phố..... về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm..... đối với huyện/thị xã/thành phố.....

Hôm nay, vào hồi..... giờ..... phút ngày...../...../..... tại....., UBND tỉnh/thành phố..... tổ chức họp đề nghị xét, công nhận huyện..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao, thị xã/thành phố..... hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm....., cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà):..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà):..... - Chức vụ, đơn vị công tác;

- .....

- Ông (bà):..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND tỉnh/thành phố trình bày Báo cáo kết quả: Thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm..... đối với huyện/thị xã/thành phố.....; tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm..... đối với huyện/thị xã/thành phố.....

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh/thành phố..... trình bày Báo cáo kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố..... đối với việc công nhận huyện..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao, thị xã/thành phố..... hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm.....

3. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị xét, công nhận huyện..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao, thị xã/thành phố..... hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm....., cụ thể như sau:

- .....

- .....

4. Kết quả bỏ phiếu: Số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận huyện..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao, thị xã/thành phố..... hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm..... là...../tổng số..... thành viên tham dự cuộc họp, đạt..... %.

Biên bản kết thúc hồi..... giờ..... phút ngày..../..../....., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí.....%.

Biên bản này được lập thành..... bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND tỉnh/thành phố lưu..... bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu, thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn..... bản.

THƯ KÝ CUỘC HỌP	**CHỦ TRÌ CUỘC HỌP**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 20

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	...., ngày.... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN

Họp đề nghị xét, công nhận tỉnh/thành phố.....
hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh/thành phố);

Căn cứ Báo cáo số..... ngày...../..../.... của UBND tỉnh/thành phố..... về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng tỉnh/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm.....

Căn cứ Báo cáo số..... ngày...../..../.... của UBND tỉnh/thành phố..... về kết quả thực hiện xây dựng tỉnh/thành phố hoàn thành nhiệm xây dựng nông thôn mới năm.....

Hôm nay, vào hồi..... giờ..... phút ngày...../...../..... tại....., UBND tỉnh/thành phố tổ chức họp, đề nghị xét, công nhận tỉnh/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm....., cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà):..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp.

- Ông (bà):..... - Chức vụ, đơn vị công tác.

- Ông (bà):..... - Chức vụ, đơn vị công tác.

- .....

- Ông (bà):..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND tỉnh/thành phố báo cáo: Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới năm..... của tỉnh/thành phố; kết quả tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả

xây dựng nông thôn mới năm..... của tỉnh/thành phố; tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh/thành phố.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh/thành phố..... báo cáo kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn tỉnh/thành phố đối với việc công nhận tỉnh/thành phố..... hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm.....

3. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị xét, công nhận tỉnh/thành phố..... hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm....., cụ thể như sau:

- .....

- .....

4. Kết quả bỏ phiếu: Số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận tỉnh/thành phố..... hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm..... là...../tổng số..... thành viên tham dự cuộc họp, đạt.....%.

Biên bản kết thúc hồi..... giờ..... phút ngày..../...../....., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí.....%.

Biên bản này được lập thành..... bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND tỉnh/thành phố lưu..... bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận tỉnh/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn..... bản.

THƯ KÝ CUỘC HỌP	**CHỦ TRÌ CUỘC HỌP**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 21

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN/THỊ XÃ/TP...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../BC-UBND	*...., ngày.... tháng..... năm.....*

BÁO CÁO
Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm..... đối với xã....., huyện/thị xã/TP....., tỉnh/TP.....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ đề nghị của UBND xã..... tại Tờ trình số...../TTr-UBND ngày...../...../..... về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã..... đạt chuẩn nông thôn mới năm.....

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn xã....., UBND huyện/thị xã/thành phố..... báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới năm..... đối với xã....., cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../.....):

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới

3. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới *(cần đánh giá từng chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể)*

3.1. Tiêu chí số..... về.....:

a) Yêu cầu của tiêu chí:.....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:.....
- Các nội dung đã thực hiện:.....
- Khối lượng thực hiện:.....
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có):..... triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí..... *(đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí)*.

3.n. Tiêu chí số..... về.....:

a) Yêu cầu của tiêu chí:.....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:.....

- Các nội dung đã thực hiện:.....

- Khối lượng thực hiện:.....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có):..... triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí..... *(đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí)*.

4. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới

- .....

5. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới

- .....

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã..... đã được UBND huyện/thị xã/thành phố..... thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là:...../19 tiêu chí, đạt.....%.

- .....

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới

- .....

- .....

III. KIẾN NGHỊ

1.....

n.....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,.....

TM. UBND HUYỆN/THỊ XÃ/TP...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM.....
đối với xã....., huyện/thị xã/thành phố....., tỉnh/thành phố.....
(Kèm theo Báo cáo số.../BC-UBND ngày.... tháng.... năm 20..... của UBND huyện/thị xã/TP.....)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn *(Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)*	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện/thị xã/TP
1		1.1.....			
		1.2.....			
		...			
2		2.1.....			
		2.2.....			
		...			
...		...			

(Xem tiếp Công báo số 665 + 666)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng